

UNIT 8: THE HOTTEST AND THE COLDEST PLACES

I. VOCABULARY

English	Vietnamese	English	Vietnamese
1.	con voi		thức dậy
2.	con hươu cao cổ		thông minh
3.	con hà mã		khô ráo
4.	con rắn		ngịch ngợm
5.	băng/ đá		khỏe mạnh
6.	loại thời tiết		cao
7.	phần của thế giới		ấm ướt
8.	bị cảm lạnh		hôm nay
9.	đi ngủ		hôm qua
10.	ngủ		

	<i>Con vật nào cao nhất?</i>
	<i>Đó là con hươu cao cổ.</i>
	<i>Con vật nào khỏe nhất?</i>
	<i>Đó là con voi.</i>
	<i>Con vật nào thông minh?</i>
	<i>Đó là con thỏ.</i>

	<i>Nơi nào nóng nhất trên thế giới?</i>
	<i>Đó là Arizona.</i>
	<i>Nơi nào nắng nhất trên thế giới?</i>
	<i>Đó là Africa.</i>
	<i>Nơi nào ẩm ướt nhất trên thế giới?</i>
	<i>Đó là Ấn Độ.</i>